TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 17-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Lương Vũ T, sinh ngày 01/10/1989, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: tổ dân phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lương Xuân N và bà Vũ Thị H; có vợ Nguyễn Thị T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ B, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

+ Anh Trương Văn B, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 19/10/2022 đến ngày 02/01/2024, tại tổ dân phố L, phường Y, thành phố T, Lương Vũ T đã cho chị T2, anh B vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày bằng 109,5%/năm và gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lời bất chính, cụ thể như sau:

1. Cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 vay:

Ngày 18/10/2022, chị T2 sử dụng điện thoại di động bên trong lắp sim số thuê bao 0945776793 gọi điện thoại đến số 0971606999 của Lương Vũ T hỏi vay 70.000.000 đồng. T đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không quy định về thời hạn trả tiền gốc, mỗi tháng được tính là 30 ngày không kể tháng thiếu, tháng thừa (*tương ứng một tháng chị T2 phải trả 6.300.000 đồng)*, trước khi nhận tiền vay chị T2 phải trả trước tiền lãi của tháng đầu tiên là 6.300.000 đồng, chị T2 đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, hồi 21 giờ 07 phút ngày 18/10/2022 chị T2 sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 22010006960822 mang tên Nguyễn Thị Thanh T2 chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M số 0590101868868 của T để trả trước tiền lãi tháng đầu tiên, số tiền còn lại 1.300.000 đồng chị T2 xin T chuyển sau, T đồng ý và hẹn chị T2 ngày hôm sau đến nhà T nhận tiền vay. Ngày 19/10/2022 chị T2 đến nhà T tại tổ dân phố L, phường Y, thành phố T lấy tiền vay. T yêu cầu chị Thu V giấy biên nhận để làm tin trước khi đưa tiền vay, chị T2 đồng ý. T lấy 1 tờ giấy có dòng kẻ ngang kích thước (25x17) cm, trên mép giấy có in chữ HẢI TIẾN và 1 bút bi mực màu đen đưa cho chị T2 rồi T đọc cho chị T2 viết vào giấy nội dung *"chị Thu n của T 70.000.000 đồng để mua hộ cho T 01 xe mô tô SH trị giá 140.000.000 đồng, nếu chị T2 không mua được xe thì có trách nhiệm bàn giao lại đầy đủ số tiền 70.000.000 đồng cho T",* V xong chị T2 đưa giấy biên nhận cho T, T cầm giấy biên nhận, cất vào ngăn tủ gỗ đựng quần áo trong phòng ngủ ở tầng 2 rồi lấy 70.000.000 đồng đưa cho chị T2. Sau khi nhận tiền ngày 23/10/2022 chị T2 tiếp tục dùng tài khoản ngân hàng B1 chuyển số tiền 1.300.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M số 0590101868868 của T để trả đủ tiền lãi của tháng đầu tiên và xin T bắt đầu tính lãi kể từ ngày 23/10/2022, T đồng ý và yêu cầu chị T2 cứ 10 ngày trả lãi 1 lần, trả lãi vào các ngày 03, 13 và 23 hàng tháng, mỗi lần là 2.100.000 đồng, chị T2 đồng ý. Sau thay đổi thời gian bắt đầu trả lãi tính từ ngày 23 và thời điểm trả lãi vào ngày 03, 13 và 23 hàng tháng, T lấy giấy biên nhận chị T2 viết tự ghi thêm số 23 vào giấy để theo dõi ngày bắt đầu tính tiền lãi.

Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 13/6/2023, chị T2 đã trả cho T tổng số tiền 48.300.000 đồng tiền lãi. Sau đó do không có tiền nên nhiều lần chị T2 xin nợ lại tiền lãi của T. Đến ngày 10/12/2023, chị T2 nhắn tin đến số điện thoại di động 0971606999 của T để xin T không trả tiền lãi đối với khoản vay trên nữa mà chỉ trả tiền gốc 70.000.000 đồng, mỗi tháng trả dần 5.000.000 đồng cho đến khi hết, T đồng ý nhưng yêu cầu chị T2 phải có trách nhiệm trả nốt tiền lãi từ ngày 13/6/2023 đến ngày 10/12/2023, chị T2 đồng ý. Hiện tại chị T2 chưa trả tiền gốc 70.000.000 đồng cho T.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 19/10/2022 đến ngày 10/12/2023, T cho chị T2 vay số tiền 70.000.000 đồng mới mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01

ngày bằng 109,5%/năm và gấp 5,475 lần nhằm thu lời bất chính số tiền ***69.418.904 đồng***. Thực tế T đã thu được 48.300.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 8.936.986 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự (tiền thu lời bất chính) là 39.363.014 đồng.

2. Cho anh Trương Văn B vay:

Ngày 20/01/2023, anh Trương Văn B đến nhà của Lương Vũ T vay số tiền 20.000.000 đồng, T đồng ý và đưa ra mức lãi 3.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, 1 tháng tính 30 ngày không kể tháng thiếu hay đủ, thanh toán tiền lãi vào ngày 20 hàng tháng (tương ứng 1 tháng anh B phải trả tiền lãi là 1.800.000 đồng), anh B đồng ý. Thỏa thuận xong, T đưa cho anh B 19.100.000 đồng tiền mặt (thu trước của anh B 900.000 đồng tiền lãi của nửa tháng đầu tiên). Do là chỗ thân quen, khoản vay lại ít nên T không yêu cầu anh B Viết giấy biên nhận.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/9/2023, Lương Vũ T cho anh Trương Văn B vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi xuất 3.000 đồng/1.000.000đồng/1 ngày tương ứng với bằng 109,5%/năm và gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lời bất chính số tiền ***11.736.986 đồng***. Thực tế T đã thu được 14.400.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.663.014 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự (tiền thu lời bất chính) là 11.736.986 đồng**.**

Ngày 02/01/2024 chị Nguyễn Thị Thanh T2 và anh Trương Văn B làm đơn tố cáo Lương Vũ T cho vay lãi nặng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T triệu tập Lương Vũ T đến Công an Thành phố T làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như đã nêu trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Vũ T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu giữ tại ngăn tủ gỗ đựng quần áo trong phòng ngủ tầng 2 của gia đình T 01 giấy biên nhận tiền do chị Nguyễn Thị Thanh T2 viết (giấy có dòng kẻ ngang, trên mép giấy có in chữ HẢI TIẾN) .

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSTPTĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lương Vũ T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Vũ T và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lương Vũ T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lương Vũ T từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp các khoản tiền sau đây để sung quỹ Nhà nước:

+ Do chị Nguyễn Thị Thanh T2 chưa trả số nợ gốc cho T nên chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải nộp số tiền 70.000.000 đồng;

+ Bị cáo Lương Vũ T phải nộp số tiền 11.600.000 đồng là số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật của 02 khoản tiền cho chị T2, anh B và số tiền gốc 20.000.000 đồng cho anh B vay. Tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền 31.600.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính là 39.363.014 đồng cho chị Nguyễn Thị Thanh T2.

- Đối với số tiền đã thu lời bất chính của anh B, anh B không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T2 và anh Trương Văn B đều trình bày: có vay của Lương Vũ T số tiền lần lượt là 70.000.000 đồng và 20.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 02/01/2024 thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm anh, chị đã trình báo cơ quan công an. Sau đó, Cơ quan đã tiến hành làm việc, khởi tố đối với Lương Vũ T. Diễn biến sự việc như cáo trạng đã nêu. Chị T2 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính của chị, còn anh B không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Vũ T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định bản thân bị truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: trong thời gian từ ngày 23/10/2022 đến ngày 10/12/2023, bị cáo Lương Vũ T đã cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 và anh Trương Văn B vay số tiền lần lượt là 70.000.000 đồng và 20.000.000 đồng

với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, cao hơn gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20% nhằm thu lời bất chính số tiền 81.155.890 đồng.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

…..

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Như vậy, hành vi của bị cáo Lương Vũ T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, số tiền nhằm thu lời bất chính, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành

vi phạm tội, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 tờ giấy biên nhận tiền mà cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình khám xét đã được chuyển theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại, sim và bút bi bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo khai điện thoại, sim và bút bi đã bị mất nên không thể thu giữ được do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội:

- Đối với số tiền gốc 70.000.000 đồng và 20.000.000 đồng bị cáo sử dụng cho chị T2, anh B vay lãi nặng là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do chị T2 chưa trả số tiền 70.000.000 đồng này cho bị cáo nên cần buộc chị T2 phải nộp số 70.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước. Còn số tiền 20.000.000 đồng anh B đã trả cho bị cáo nên buộc bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 11.600.000 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản tiền cho chị T2 và anh B vay. Đây là số tiền bị cáo do phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó, cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 11.600.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Cộng các khoản tiền bị cáo phải nộp để sung nộp ngân ách Nhà nước là 31.600.000 đồng.

Đối với số tiền thu lời bất chính 39.363.014 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh T2. Trong quá trình điều tra, chị T2 đề nghị bị cáo phải trả lại số này nên căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ Luật Hình sự buộc bị cáo phải trả lại cho chị T2 số tiền 39.363.014 đồng.

Đối với số tiền thu lời bất chính của anh Trương Văn B là 11.736.986 đồng, trong quá trình điều tra, anh B không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nguồn gốc số tiền cho vay: bị cáo khai nhận số tiền 90.000.000 đồng là tiền làm ăn tiết kiệm của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố

T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩmtheo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Lương Vũ T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Lương Vũ T 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Lương Vũ T phải nộp số tiền 31.6000.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải nộp số tiền 70.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền 39.363.014 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: bị cáo Lương Vũ T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/6/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Cơ quan Điều tra CATP Tam Điệp;
- Cơ quan THA hình sự CATP Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**